

Số: 283/TB-DCT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2019

Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-DCT ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2019 như sau:

#### 1. Chuyên ngành tuyển sinh, chỉ tiêu và môn thi tuyển

Stt	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu	Môn thi tuyển		
				Cơ sở ngành	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	Kỹ thuật hóa học	8520301	16	Hóa lý	Kỹ thuật quá trình thiết bị	Tiếng Anh
2	Kỹ thuật môi trường	8520320	15	Hóa kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật Môi trường	
3	Công nghệ sinh học	8420201	15	Sinh học đại cương	Công nghệ vi sinh	
4	Công nghệ thực phẩm	8540101	15	Hóa học - hóa sinh học thực phẩm	Công nghệ chế biến thực phẩm	
5	Kỹ thuật cơ khí	8520103	10	Cơ ứng dụng	Chi tiết máy	
6	Quản trị kinh doanh	8340101	20	Kinh tế học	Quản trị học	
7	Tài chính Ngân hàng	8340201	20	Kinh tế học	Tài chính tiền tệ	
8	Kỹ thuật điện	8520201	20	Toán cao cấp	Mạch điện	

#### 2. Điều kiện dự thi

##### 2.1. Về văn bằng

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường (xem Phụ lục 1);

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường phải có thâm niên công tác 02 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên môn;

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

## **2.2. Các điều kiện khác**

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án dân sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập.

## **3. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ**

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ của một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, còn thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi (xem Phụ lục 2).

## **4. Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo**

- Hình thức đào tạo: Chính quy;

- Thời gian đào tạo: từ 1,5 đến 02 năm (04 học kỳ);

- Địa điểm đào tạo: Tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

## **5. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **5.1. Đối tượng ưu tiên**

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;



- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

## **5.2. Chính sách ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở ngành.

## **6. Hồ sơ tuyển sinh, ôn tập và thi tuyển**

### **6.1. Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:**

- Phiếu đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận sức khỏe (không quá 6 tháng trước khi nộp hồ sơ);
- 02 ảnh 3x4cm (chụp trong thời gian 6 tháng trở lại);
- 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận;
- Bản sao y bằng đại học, bằng điểm;
- Bản sao y văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (trường hợp miễn thi ngoại ngữ theo Mục 3 của Thông báo này);
- Giấy chứng nhận, bằng điểm các môn học bổ túc kiến thức (nếu có);
- Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

### **6.2. Thời gian nhận hồ sơ**

- Phát và nhận hồ sơ vào giờ hành chính, buổi sáng từ 07h00 – 11h30, buổi chiều từ 13h00 – 16h30, các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần;
- Nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày 06/9/2019.

### **6.3. Học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi tuyển sinh**

- Thời gian học bổ sung kiến thức dự kiến: từ 15/7/2019 đến 31/8/2019;
- Thời gian ôn tập dự kiến: từ 15/7/2019 đến 31/8/2019;
- Thời gian thi tuyển sinh dự kiến: ngày 21 và 22/9/2019.

## **7. Lệ phí ôn tập, học bổ sung kiến thức và thi tuyển**

- Lệ phí ôn tập: 1.200.000 đồng/môn học;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: 500.000 đồng/tín chỉ;
- Lệ phí tuyển sinh: 1.500.000 đồng/thí sinh.



## 8. Thông tin liên hệ

- Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học (Phòng C.101) - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh;

- Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM;

- Điện thoại: 028.38161673 (116) – Di động: 0938.639303 (thầy Hương), 0936.123020 (cô Trâm);

- Website: [scip.hufi.edu.vn](http://scip.hufi.edu.vn) – Email: [huongpx@cntp.edu.vn](mailto:huongpx@cntp.edu.vn)

Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, P.QLKH&ĐTSDH ✓

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Xuân Hoàn**

## PHỤ LỤC 1

### Danh mục ngành phù hợp, ngành gần và các môn học bổ sung kiến thức

(Ban hành kèm theo Thông báo số 21/TB-DCT, ngày 06 tháng 5 năm 2019 của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
1	Kỹ thuật hóa học	Công nghệ hóa học, công nghệ kỹ thuật hóa học.	Hóa học, thực phẩm, thủy sản, môi trường, sinh học, hóa dược, vật liệu.	1. Truyền nhiệt và truyền khối; 2. Nhiệt động kỹ thuật hóa học. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 03 tín chỉ
2	Kỹ thuật Môi trường	Công nghệ môi trường, công nghệ kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường, quản lý tài nguyên và môi trường, cấp thoát nước, kỹ thuật tái nguyên nước.	Kỹ thuật hóa học, công nghệ sinh học, sinh học, nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghệ chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, quy hoạch vùng và đô thị, kỹ thuật công trình xây dựng, kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, quản lý đất đai, xây dựng, quan hệ lao động, vật liệu, khí tượng thủy văn.	1. Vi sinh kỹ thuật môi trường (2TC); 2. Hóa kỹ thuật môi trường (3TC); 3. Sinh thái môi trường (2TC); 4. Cơ sở công nghệ môi trường (2TC).
3	Công nghệ sinh học	Kỹ thuật y sinh, kỹ thuật sinh học, sinh học, sinh học ứng dụng, sự phạm sinh học.	Nhóm ngành nông nghiệp (Nông nghiệp, nông học, chăn nuôi, khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, sự phạm kỹ thuật nông nghiệp, thú y). Nhóm ngành lâm nghiệp (lâm nghiệp, lâm sinh, nông lâm nghiệp, công nghệ chế biến lâm sản). Nhóm ngành y học (y đa khoa, y học cổ truyền, y sinh học thể dục thể thao, kỹ thuật y học, dược học). Nhóm ngành hóa học (hóa học, công nghệ kỹ thuật hóa học, kỹ thuật hóa học, sự phạm hóa học). Nhóm ngành môi trường (khoa học môi trường, công nghệ kỹ thuật môi trường, kỹ thuật môi trường). Nhóm ngành thực phẩm, thủy sản (công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản).	1. Vi sinh công nghiệp; 2. Sinh học phân tử. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 03 tín chỉ
4	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ sau thu hoạch, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, công nghệ chế biến thủy sản, khoa học dinh dưỡng và ẩm thực, khoa học chế biến món ăn và quản trị ẩm thực.	Nhóm 1: Công nghệ sinh học, kỹ thuật sinh học, công nghệ hóa học.	1. Công nghệ chế biến thực phẩm; 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm; 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
			Nhóm 2: Hóa học, hóa dược, môi trường, sinh học, kỹ thuật nữ công, nuôi trồng thủy sản.	1. Công nghệ chế biến thực phẩm; 2. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm; 3. Đánh giá cảm quan thực phẩm; 4. Kỹ thuật thực phẩm 1; 5. Kỹ thuật thực phẩm 2; 6. Phân tích thực phẩm. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ

TT	Chuyên ngành	Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
5	Kỹ thuật cơ khí	Công nghệ chế tạo máy.	Kỹ thuật cơ điện tử, công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, công nghệ kỹ thuật ô tô, kỹ thuật nhiệt, công nghệ kỹ thuật nhiệt, kỹ thuật hàng không, kỹ thuật tàu thủy, kỹ thuật hệ thống công nghiệp, cơ kỹ thuật.	1. Các phương pháp gia công đặc biệt; 2. Nguyên lý cắt kim loại; 3. Công nghệ CAD/ CAM/ CNC. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp, quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh, marketing, quản trị thương mại, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, quản trị khách sạn, quản trị kinh doanh quốc tế, quản lý công nghiệp, quản trị nhân lực, quản trị dự án...	Kế toán, kiểm toán, kinh tế ngoại thương, kinh tế du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học quản lý, quản trị văn phòng, hệ thống thông tin quản lý, chứng khoán, kinh tế nông nghiệp, kinh tế tài nguyên và môi trường, kinh tế thủy sản, kinh tế thương nghiệp, kinh tế kế hoạch đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế học, kinh tế xây dựng Và các ngành kinh tế khác mà bằng tốt nghiệp là cử nhân kinh tế.	1. Tâm lý kinh doanh; 2. Quản trị nhân sự; 3. Quản trị sản xuất; 4. Quản trị Marketing. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
		<b>Khối ngành khác:</b> (Khối ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; Khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn).		1. Kinh tế vi mô; 2. Kinh tế vĩ mô; 3. Marketing căn bản; 4. Lý thuyết tài chính tiền tệ; 5. Nguyên lý kế toán; 6. Tâm lý kinh doanh; 7. Quản trị nhân sự; 8. Quản trị sản xuất; 9. Quản trị marketing; 10. Quản trị học. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
7	Tài chính ngân hàng	Các ngành có chương trình đào tạo khác dưới 10% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng	1. Kế toán – Kiểm toán; 2. Quản trị kinh doanh; 3. Các ngành có chương trình đào tạo khác từ 10% đến 40% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng.	1. Tài chính doanh nghiệp; 2. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; 3. Quản trị học; 4. Phân tích báo cáo tài chính. <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
		<b>Khối ngành khác:</b> Các ngành có chương trình đào tạo khác trên 40% so với chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng.		1. Kinh tế vĩ mô; 2. Kinh tế vi mô; 3. Lý thuyết tài chính-tiền tệ; 4. Nguyên lý kế toán; 5. tài chính doanh nghiệp; 6. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; 7. Quản trị marketing; 8. Quản trị học; <b>Lưu ý:</b> Mỗi môn 02 tín chỉ
8	Kỹ thuật điện	1. Điện công nghiệp; 2. Thiết bị mạng và nhà máy điện.	1. Tự động hóa; 2. Kỹ thuật điện tử.	1. Hệ thống điện (02 tín chỉ)

**PHỤ LỤC 2**

**Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh và các ngoại ngữ khác**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 243 /TB-DCT, ngày 06 tháng 5 năm 2019 của trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Khung Châu Âu (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
3/6	B1	4.5	450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Premilinary	40

**Một số ngoại ngữ khác:**

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4